

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 550/2018/DS-ST
Ngày: 01/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và
hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Huệ.
2. Ông Phạm Văn Mạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là
Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 2103/2017/DSST ngày 23 tháng 11 năm 2017 về
“Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 4365/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018,
Quyết định hoãn phiên tòa số 4704/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2018,
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, Tp. Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 3, số 296 P, Phường B, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Đình H, ông Phạm
Nguyễn Quốc T và ông Phạm Trường T (Theo Giấy ủy quyền số
13602/2018/UQ-VPB lập ngày 12/6/2018 – Có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Tầng 3, số 296 P, Phường B, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đoàn Đông N, sinh năm 1969 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 31E/1 Tổ M, Khu phố S, phường H, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/7/2017, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa, Ông Phạm Đình H là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh có cho bị đơn vay tiền theo hai hợp đồng tín dụng gồm:

- Căn cứ Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/01/2014, Ngân hàng đã cấp cho bị đơn Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), mở thẻ ngày 21/01/2014;

- Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn ngày 21/01/2014 và khế ước nhận nợ ngày 12/02/2014, Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng số HCM/14/0865/HDTD/UPL (LD1404300159) cho bị đơn vay số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*), thời hạn vay 24 tháng, giải ngân vào ngày 12/02/2014, lãi suất 22%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn, điều chỉnh lãi suất 03 tháng một lần, ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là ngày 01/7/2014; tiền gốc và lãi trả vào ngày 15 dương lịch hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán hai hợp đồng nêu trên. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp và tạo điều kiện cho thanh toán nhưng bị đơn cố tình tránh né, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 01/10/2018, dư nợ gốc và lãi của hai hợp đồng (theo bảng kê dư nợ gốc, lãi kèm theo) như sau:

- Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng: Bị đơn rút tiền lần cuối vào ngày 24/3/2014, tính lãi quá hạn sau 30 ngày là ngày 22/4/2015. Số tiền dư nợ gốc là 21.627.889 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 22/4/2015 đến nay là 45.980.165 đồng. Tổng cộng: 67.608.054 đồng.

- Hợp đồng tín dụng: Bị đơn thanh toán lần cuối vào ngày 16/12/2014 với số tiền 8.983.591 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán là 40.244.953 đồng, trong đó thu nợ gốc 21.430.481 đồng, thu nợ lãi 18.814.472 đồng. Bắt đầu tính lãi quá hạn vào ngày 17/01/2015. Số tiền dư nợ gốc là 68.569.519 đồng, nợ lãi quá hạn là 81.748.898 đồng. Tổng cộng: 150.318.417 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của hai khoản nợ tín dụng nêu trên tổng số tiền là: 217.926.471 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng kể từ ngày 02/10/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và không cung cấp bổ sung gì thêm tài liệu chứng cứ mới.

Ông Đoàn Đông N là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/01/2014: Tại điểm c khoản 9.1 Điều 9 của Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định pháp luật. Hợp đồng ghi rõ Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại 31E/1 Tổ M, Khu phố S, phường H, Quận M nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phát sinh từ hợp đồng này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M. Do đó, cần đình chỉ đối với yêu cầu này.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HCM/14/0865/HDTD/UPL (LD1404300159) ngày 12/02/2014, số tiền vay là 90.000.000 đồng. Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 01/10/2018, tổng số tiền dư nợ của bị đơn là: 150.318.417 đồng, trong đó nợ gốc là 68.569.519 đồng, nợ lãi quá hạn là 81.748.898 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ gốc và lãi là phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều luật viện dẫn nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi số tiền nợ gốc, lãi là 150.318.417 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ sử dụng thẻ tín dụng do không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ của các hợp đồng tín dụng. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng cấp tín dụng của nguyên đơn với khách hàng cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Xét tại điểm c khoản 9.1 Điều 9 Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng V đính kèm với Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng V ngày 21/01/2014 quy định: *“Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào mà các bên không giải quyết được bằng thương lượng trên tinh thần hòa giải thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam”*. Hợp đồng ghi rõ bị đơn có địa chỉ nơi cư

trú tại 31^E/1 Tổ M, khu phố 2 (nay là Khu phố S), phường H, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự: nếu phát sinh tranh chấp và các bên không có thỏa thuận khác thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án cấp quận, huyện nơi bị đơn cư trú. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phát sinh từ giao dịch này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M. Cần đình chỉ yêu cầu đòi số tiền 67.608.054 đồng, nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Xét tại khoản 2 Điều 13 của Hợp đồng tín dụng ngày 12/02/2014 quy định: *“Trường hợp các bên không tự thỏa thuận được hoặc không muốn thỏa thuận với nhau, một trong các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân nơi thực hiện hợp đồng này để giải quyết theo quy định của pháp luật. Các bên thống nhất rằng nơi thực hiện hợp đồng này (nơi ký kết, giải ngân tiền vay...) chính là nơi có địa chỉ của V nêu tại Phần đầu của hợp đồng này”*. Nơi thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận này được xác định tại địa chỉ số: 81-83-83B-85 H, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. Do đó, thỏa thuận về thẩm quyền của các đương sự tại hợp đồng này là phù hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện thanh toán tiền nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng ngày 12/02/2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M.

[3] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Công an phường H, Quận M và Công văn số 1508/TĐ-BCT ngày 20/12/2017 của Trung đoàn 294, sư đoàn 367, xác định bị đơn đã nghỉ hưu về cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Tuy nhiên, bị đơn đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2017, hiện không rõ địa chỉ cư trú mới. Nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ cư trú hiện nay của bị đơn. Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn ngày 21/01/2014, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng tín dụng số HCM/14/0865/HDTD/UPL (LD1404300159) ngày 12/02/2014 thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*), giải ngân vào ngày 12/02/2014, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 12/02/2014 đến ngày 12/02/2016; mục đích vay: sửa nhà; lãi suất cho vay (trong hạn) tại thời điểm giải ngân đầu tiên 22%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ 01 lần; mỗi tháng bị đơn có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc 3.750.000 đồng và tiền lãi theo quy định vào ngày 15 dương lịch hàng tháng. Tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng thỏa thuận: *“Bằng việc ký vào hợp đồng này, bên vay xác nhận đã nhận đủ số tiền vay nêu tại Khoản 1 Điều 1 của hợp đồng này”* và việc bị đơn đã thanh toán tiền lần cuối vào ngày 16/12/2014, có cơ sở xác định bị đơn có ký hợp đồng tín dụng và đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 90.000.000 đồng. Nguyên đơn đã chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn từ ngày 17/01/2015. Tính đến

ngày 01/10/2018, tổng số tiền dư nợ của bị đơn là: 150.318.417 đồng, trong đó nợ gốc là 68.569.519 đồng, nợ lãi quá hạn là 81.748.898 đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng được xác lập và thoả thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Bị đơn không trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn để giải quyết vụ án nhưng họ vắng mặt được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi là 150.318.417 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận thì bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật; nguyên đơn được hoàn lại tạm ứng án phí.

- Đối với yêu cầu khởi kiện Tòa án đình chỉ, trả đơn do không thuộc thẩm quyền giải quyết thì nguyên đơn được hoàn lại tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm đ khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 có hiệu lực ngày 01/7/2009.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V yêu cầu Ông Đoàn Đông N thanh toán các khoản nợ gốc và lãi quá hạn của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/01/2014. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Ông Đoàn Đông N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V nợ gốc là 68.569.519 đồng, nợ lãi quá hạn là 81.748.898 đồng. Tổng cộng số tiền là 150.318.417 đồng (*Một trăm năm mươi triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm mười bảy đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 02/10/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 12/02/2014.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Đông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.515.921 đồng (*Bảy triệu năm trăm mười lăm nghìn chín trăm hai mươi mốt đồng*).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.096.668 (*Bốn triệu không trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng*) cho Ngân hàng TMCP V theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022333 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ánh